

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hòa Bình, ngày 06 tháng 12 năm 2024

Số: 489/NQ-HĐND

NGHỊ QUYẾT
Về việc quyết định biên chế công chức
trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 23

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính
phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ
tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW
ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại
đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 3210-QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức
Trung ương về biên chế của tỉnh Hòa Bình năm 2025; Quyết định số 1333-QĐ/TU
ngày 25/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình về việc giao biên chế tỉnh
Hòa Bình năm 2025;*

*Xét Tờ trình số 192 /TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính
nhà nước năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà
nước năm 2025 là 1.984 chỉ tiêu, trong đó:

1. Biên chế các sở, ban, ngành là 1.110 chỉ tiêu;
2. Biên chế Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là: 874 chỉ tiêu.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện nghị quyết này; trong trường hợp cần điều chỉnh biên chế, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong tổng số biên chế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, thông báo việc điều chuyển đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh trong kỳ họp thường lệ cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBTVQH;
- VP Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT Tin học và Công báo VP.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ và CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, THDN.

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

**BIỂU GIAO CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC
TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 489/NQ- HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu giao năm 2024	Chỉ tiêu giao năm 2025	Ghi chú
TỔNG CỘNG		2.017	1.984	
I	Cơ quan tỉnh	1.128	1.110	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	34	33	Giảm 01 chỉ tiêu
2	Văn phòng UBND tỉnh	54	53	Giảm 01 chỉ tiêu
3	Sở Nội vụ	55	54	Giảm 01 chỉ tiêu
4	Sở Tư pháp	31	30	Giảm 01 chỉ tiêu
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	52	51	Giảm 01 chỉ tiêu
6	Sở Tài chính	60	59	Giảm 01 chỉ tiêu
7	Sở Công Thương	43	42	Giảm 01 chỉ tiêu
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	275	271	Giảm 04 chỉ tiêu
9	Sở Giao thông vận tải	67	67	
10	Sở Xây dựng	40	39	Giảm 01 chỉ tiêu
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	59	58	Giảm 01 chỉ tiêu
12	Sở Thông tin truyền thông	27	27	
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	52	51	Giảm 01 chỉ tiêu
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	44	43	Giảm 01 chỉ tiêu
15	Sở Khoa học và Công nghệ	35	35	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	48	Giảm 01 chỉ tiêu
17	Sở Y tế	64	63	Giảm 01 chỉ tiêu
18	Thanh tra tỉnh	39	38	Giảm 01 chỉ tiêu
19	Ban Dân tộc	27	27	
20	Ban Quản lý các khu công nghiệp	21	21	
II	Các huyện, thành phố	889	874	
1	UBND huyện Mai Châu	84	84	

2	UBND huyện Tân Lạc	83	83	
3	UBND huyện Lạc Sơn	88	87	Giảm 01 chỉ tiêu
4	UBND huyện Lạc Thủy	82	81	Giảm 01 chỉ tiêu
5	UBND huyện Yên Thủy	81	80	Giảm 01 chỉ tiêu
6	UBND huyện Đà Bắc	83	82	Giảm 01 chỉ tiêu
7	UBND huyện Cao Phong	81	80	Giảm 01 chỉ tiêu
8	UBND huyện Lương Sơn	84	83	Giảm 01 chỉ tiêu
9	UBND huyện Kim Bôi	88	87	Giảm 01 chỉ tiêu
10	UBND thành phố Hoà Bình	135	127	Giảm 08 chỉ tiêu